

Bản án số: 109/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2017

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Phương Lan Anh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Huy Liên**

2. Ông **Ngô Tiến Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hà Tuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa:

Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh H** – Sinh năm 1967

Địa chỉ: Đường X, xã Y, thành phố Z, Khánh Hòa. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Hoàng T** – Sinh năm 1968

Địa chỉ: Đường X, xã Y, thành phố Z, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Minh H) trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Tôi và chồng là anh Trần Hoàng T tự nguyện kết hôn vào năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Z. Chúng tôi có 03 con chung là cháu: Trần Nguyễn Kim U – sinh năm 1992, Trần Nguyễn Kim N – sinh năm 1993 và Trần Quốc Th – sinh ngày 15/01/2000. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến con cái, cuộc sống gia đình rất nặng nề. Chồng tôi không lo làm ăn mà chỉ lo cho bản thân mình, một mình tôi phải bươn chải nuôi các con ăn học. Chúng tôi đã ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T để tôi an tâm nuôi dạy con cái.

Về con chung: Hai cháu Kim U và Kim N đã trưởng thành nên tôi không có yêu cầu gì, riêng cháu Th chưa đủ 18 tuổi nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung tôi không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn (ông Trần Hoàng T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z phát biểu: Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Việc bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Trần Hoàng T, xét yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Z.

- Bị đơn ông Trần Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt, đây là lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung:**

Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Trần Hoàng T tự nguyện kết hôn với nhau, có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND phường N – TP.Z – Tỉnh Khánh Hòa vào năm 1991 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo như bà H trình bày thì quá trình sống chung vợ chồng bà luôn xảy ra mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn mà chỉ lo cho bản thân mình, một mình bà phải bươn chải nuôi các con ăn học, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, làm ảnh hưởng đến con cái, cuộc sống gia đình rất nặng nề. Bà và ông T đã ly thân hơn một năm nay, bà không còn tình cảm gì với ông T nữa nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông T.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T không thể hàn gắn được, bởi lẽ cả hai bên đã không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và đây là yêu cầu chính đáng của nguyên đơn nên cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung là cháu Trần Nguyễn Kim U – sinh năm 1992, Trần Nguyễn Kim N – sinh năm 1993 và Trần Quốc Th – sinh ngày 15/01/2000. Hai cháu Kim U và Kim N đã trưởng thành nên bà H không có yêu cầu gì, riêng cháu Th chưa đủ 18 tuổi, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Th có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn và hiện nay cháu Th đang sống cùng với bà H, do đó để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, cần giao cháu Th cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T do bà H không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà H và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về phần tài sản chung, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.
- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Minh H** được ly hôn ông **Trần Hoàng T**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Quốc Th – sinh ngày 15/01/2000 cho bà Nguyễn Thị Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Hoàng T do bà H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; và các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không xem xét về phần tài sản chung vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án Hôn nhân gia đình có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006443 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.Z;
- Chi cục THADS Tp.Z;
- UBND phường N, Tp.Z;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Phương Lan Anh